

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Nguyễn Hoàng Tam.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2022/TLST-HN&GD ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HN ngày 04 tháng 7 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 06/TB-TA ngày 28 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1986; Địa chỉ: tổ 22, ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh An Giang;

***Bị đơn:*** Anh Võ Văn H, sinh năm 1984, địa chỉ: tổ 22, ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị Ch vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); Anh H vắng mặt, không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ch trình bày:* Năm 2004, chị Ch và anh H tự tìm hiểu, quen

biết nhau, thống nhất tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, ngày 03/10/2006. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, kinh tế. Chị Ch đã khuyên anh H nhiều lần nhưng không được. Chị Ch và anh H sống xa nhau từ năm 2021 cho đến nay. Chị Ch yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Ch và anh H có 02 (hai) con chung tên Võ Thị Hồng C, sinh ngày 22/8/2006 và Võ Trọng P, sinh ngày 09/9/2007. Chị Ch yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị Ch không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 250/TB-TLVA ngày 14/02/2022 và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 245/TB-TA ngày 02/3/2022 cho anh Võ Văn H thông qua người thân là bà Trần Thị Th (mẹ ruột của anh H) nhận thay và cam kết có báo lại cho anh H biết về việc chị Ch khởi kiện ly hôn với anh H tại Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang nhưng anh H vắng mặt tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh H vắng mặt; chị Ch vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh nơi cư trú của anh Võ Văn H tại Công an xã P1, thị xã T; Xác minh tình trạng hôn nhân và con chung của chị Ch và anh H tại Ban áp P, xã P1, thị xã T; Lấy lời khai của bà Trần Thị Th (mẹ ruột của anh H), cụ thể:

Công an xã P1, thị xã T cung cấp: Anh Võ Văn H, sinh năm 1984 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 22, ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện anh H vắng mặt ở địa phương, do không trình báo nên không rõ anh H đi đâu, làm gì.

Văn phòng áp P, xã P1 cung cấp: Vợ chồng (Ch - H) tự tìm hiểu, quen biết nhau, thống nhất tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, thị xã T. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, anh H có người phụ nữ khác nên dẫn đến thường xuyên cự cãi. Đồng thời, anh H và chị Ch không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay.

Về con chung, chị Ch và anh H có 02 (hai) con chung tên Võ Thị Hồng C, sinh ngày 22/8/2006 và Võ Trọng P, sinh ngày 09/9/2007.

Lời khai của bà Trần Thị Th (mẹ ruột anh H) cho biết: bà Th là mẹ ruột của anh H và là mẹ chồng của chị Ch, đồng thời, bà Th có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án số 250/TB-TLVA ngày 14/02/2022, Thông báo phiên họp số 245/TB-TA ngày 02/3/2022 về việc kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H và có báo lại cho anh H biết về các văn bản tố tụng trên. Anh H có biết về việc chị Ch nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh H tại Tòa án nhân dân thị xã T.

Khoảng năm 2004, vợ chồng (Chương - Hữu) tự tìm hiểu, quen biết nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, thị xã T. Thời gian đầu, vợ chồng (Ch - H) sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hợp nhau, Hữu có người phụ nữ khác, gia đình có khuyên ngăn nhưng không được. Đồng thời, vợ chồng (Ch - H) đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay, không còn liên lạc với nhau nữa.

Về con chung, trong thời gian chung sống, vợ chồng (Chương Hữu) có 02 (hai) con chung tên Võ Hồng Cúc, sinh ngày 22/8/2006 và Võ Trọng P, sinh ngày 09/9/2007. Hiện cháu C đang sống với chị Ch và bà ngoại, còn cháu P đang sống với bà Th, các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, không có hành vi ngược đãi, bạo hành, bỏ bê các cháu.

Đối với tài sản chung và nợ chung của vợ chồng (Ch - H) thì bà Th không biết.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, và tại phiên tòa. hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ch và anh Võ Văn H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của chị Ch và anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc chị Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở, nên chấp nhận.

- Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống với chị Ch 02 con, Võ Thị Hồng C, sinh ngày 22/8/2006 và Võ Trọng P, sinh ngày 09/09/2007. Hiện hai cháu có nguyện vọng sống với chị Ch. Khi ly hôn, chị Ch đồng ý nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với anh Võ Văn H của chị Nguyễn Thị Ch.

- *Về quan hệ con chung*: Hiện cháu C và Phúc có nguyện vọng sống với chị Ch. Khi ly hôn, chị Ch đồng ý nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyện của chị Ch và nguyện vọng sống với mẹ của hai cháu.

*Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **\*Về tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn H. Anh H có nơi cư trú tại tổ 22, ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Võ Văn H được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### **\* Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ch và anh Võ Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104, quyển số I ngày 03/10/2006, hôn nhân giữa chị Ch và anh H là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị Ch khai: Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống về tình

cảm và kinh tế, chị Ch đã khuyên anh H nhiều lần nhưng không được. Đồng thời, chị Ch và anh H sống xa nhau từ năm 2021 cho đến nay. Chị Ch yêu cầu ly hôn với anh H.

Biên bản xác minh tại Văn phòng ấp P, xã P1 cung cấp: Chị Ch và anh H mâu thuẫn vào năm 2021 nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, anh H có người phụ nữ khác nên dẫn đến thường xuyên cự cãi. Đồng thời, anh H và chị Ch không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay.

Lời khai của bà Trần Thị Th (mẹ ruột anh H) cung cấp: Thời gian đầu, vợ chồng (Ch - H) sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hợp nhau, H có người phụ nữ khác, gia đình có khuyên ngăn nhưng không được. Đồng thời, vợ chồng (Ch - H) đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay, không còn liên lạc với nhau nữa.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị Ch và anh H phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, anh H có người phụ nữ khác nên dẫn đến thường xuyên cự cãi và sống xa nhau từ năm 2021 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị Ch và anh H hàn gắn tình cảm nhưng anh H vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị Ch và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị Nguyễn Thị Ch ly hôn với anh Võ Văn H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Ch và anh H có 02 (hai) con chung tên Võ Thị Hồng C, sinh ngày 22/8/2006 và Võ Trọng P, sinh ngày 09/9/2007. Hiện cháu C đang sống với chị Ch, còn cháu P đang sống với anh H và gia đình anh H.

Lời khai của bà Trần Thị Th (mẹ ruột anh H) cung cấp: Trong thời gian chung sống, vợ chồng (Ch - H) có 02 (hai) con chung tên Võ Thị Hồng C, sinh ngày 22/8/2006 và Võ Trọng P, sinh ngày 09/9/2007. Hiện cháu C đang sống với chị Ch, còn cháu P đang sống với anh H và gia đình anh H. Các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, không có hành vi ngược đãi, bạo hành, bỏ bê các cháu.

Biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng của cháu Hồng Cúc và Phúc có nguyện vọng được sống với mẹ Nguyễn Thị Ch.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của cháu Hồng Cúc và Phúc. Xét, giao cháu Võ Thị Hồng C, sinh ngày 22/8/2006 và Võ Trọng

P, sinh ngày 09/9/2007 cho chị Ch nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Nguyễn Thị Ch cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Võ Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ch khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Ch phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp. Anh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ch.

Chị Nguyễn Thị Ch được ly hôn với anh Võ Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số I được Ủy ban nhân dân xã P1, thị xã T, tỉnh An Giang cấp ngày 03/10/2006 cho chị Nguyễn Thị Ch và anh Võ Văn H không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ch được nuôi dưỡng 02 (hai) con chung tên Võ Thị Hồng C, sinh ngày 22/8/2006 và Võ Trọng P, sinh ngày 09/9/2007. Anh Võ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Ch cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Võ Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006160 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh An Giang; Chị Nguyễn Thị Ch đã nộp đủ án phí.

Anh Võ Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Ch và anh H là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TX. T (02);
- Chi cục THADS TX. T (01);
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Dương**